

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Số 64 Cầu Diễn - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

TẠI NGÀY 30/9/2019



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2019

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật liệu Xây dựng Bưu điện theo quyết định số 57/QĐ-BBCVT ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Bưu chính viễn thông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010727 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần 8 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100687185.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất các sản phẩm bằng chất dẻo, các sản phẩm từ gang thép, cấu kiện bê tông, cáp thông tin, dây điện và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của Doanh nghiệp.
- Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng.
- Tư vấn, thiết kế thông tin hữu tuyến điện với công trình liên lạc, bưu chính viễn thông.
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, trang bị nội thất.
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100687185 thay đổi lần 8 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014 là: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty: Số 64 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/9/2019 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Tên, địa chỉ các đơn vị phụ thuộc:**

<b>STT</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Xí nghiệp Bê tông Bưu điện I	Xã Mai Lâm - Huyện Đông Anh - Tp. Hà Nội
2	Xí nghiệp Bê tông Bưu điện II	Thành phố Tam Điệp - Tỉnh Ninh Bình
3	Xí nghiệp Xây lắp Viễn thông 1	Xã Mai Lâm - Huyện Đông Anh - Tp. Hà Nội
4	Xí nghiệp Xây lắp Viễn thông 2	P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội
5	Xí nghiệp Xây lắp Viễn thông 3	P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội
6	Xí nghiệp Xây lắp Viễn thông 4	P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội
7	Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế	Xã Mai Lâm - Huyện Đông Anh - Tp. Hà Nội
8	Chi nhánh miền Nam	Phường 14 - Quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Số 64 Cầu Diễn - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 30/9/2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/9/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/9/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Xã

368  
ÔN  
SỐ  
LIỆU  
BƯ  
TƯ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Tại ngày 30/9/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>63,174,179,123</b>	<b>74,926,276,636</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8,633,321,785</b>	<b>8,793,243,901</b>
1. Tiền	111	V.01	8,633,321,785	8,793,243,901
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29,142,000,394</b>	<b>46,408,011,597</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	21,370,858,277	32,900,269,370
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	319,237,001	2,257,195,912
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7,451,905,116	11,250,546,315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>25,398,856,944</b>	<b>19,725,021,138</b>
<b>1. Hàng tồn kho</b>	<b>141</b>		<b>25,398,856,944</b>	<b>19,725,021,138</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21,837,910,862</b>	<b>22,909,831,207</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21,170,138,842</b>	<b>22,554,636,327</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	21,099,738,842	22,484,236,327
- Nguyên giá	222		88,170,873,468	88,170,873,468
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(67,071,134,626)	(65,686,637,141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	70,400,000	70,400,000
- Nguyên giá	228		186,400,000	186,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(116,000,000)	(116,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>667,772,020</b>	<b>355,194,880</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		667,772,020	355,194,880
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85,012,089,985</b>	<b>97,836,107,843</b>

71  
9  
PH  
IX  
JE  
IEN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Tại ngày 30/9/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21,301,953,497</b>	<b>34,605,211,343</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20,334,199,497</b>	<b>33,792,611,343</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10,745,082,797	24,154,543,367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	765,706,858	500,722,509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	514,139,761	1,607,485,514
4. Phải trả người lao động	314		508,333,033	1,620,457,164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	91,940,774	76,947,085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3,901,250,578	3,749,083,268
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	3,727,635,080	2,057,154,000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		80,110,616	26,218,436
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>967,754,000</b>	<b>812,600,000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	967,754,000	812,600,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>63,710,136,488</b>	<b>63,230,896,500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>63,710,136,488</b>	<b>63,230,896,500</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,000,000,000	15,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7,393,264,757	7,393,264,757
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,100,000,000)	(1,100,000,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,395,543,420	1,395,543,420
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,021,328,311	542,088,323
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	47,438,330
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,021,328,311	494,649,993
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85,012,089,985</b>	<b>97,836,107,843</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Phương Anh

Phan Thị Thanh Huyền

Bùi Văn Xã

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2019	Đơn vị tính: đồng Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26,653,081,642	58,861,141,192
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	26,653,081,642	58,861,141,192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	21,619,077,321	45,975,521,791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,034,004,321	12,885,619,401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2,361,916	7,258,956
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	36,533,759	33,728,276
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36,533,759	33,728,276
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2,566,347,730	6,994,037,831
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1,649,605,695	4,565,215,136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		783,879,053	1,299,897,114
11. Thu nhập khác	31	VI.8		
12. Chi phí khác	32	VI.9		8,000,000
13. Lợi nhuận khác	40		-	(8,000,000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		783,879,053	1,291,897,114
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	156,775,811	258,379,423
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		627,103,242	1,033,517,691
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	160	264
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	160	264

Hà nội, ngày 19 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Anh

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Xã

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	30/9/2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1,291,897,114</b>	<b>639,968,536</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>1,418,225,761</b>	<b>2,268,631,415</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,384,497,485	2,107,644,787
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(164,554,847)
- Chi phí lãi vay	06	33,728,276	293,384,196
- Các khoản điều chỉnh khác	07		32,157,279
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2,710,122,875</b>	<b>2,908,599,951</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17,266,011,203	8,050,150,485
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,673,835,806)	2,902,146,925
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(13,358,442,901)	(11,730,451,540)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(312,577,140)	(355,194,880)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(145,014,276)	(312,765,196)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(154,325,789)	(65,867,016)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		25,556,167
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,767,638,864)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1,435,700,698)</b>	<b>1,422,174,896</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(794,378,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		155,000,000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,258,956	9,554,847
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7,258,956</b>	<b>(629,823,153)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4,274,823,080	4,361,086,200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,604,342,000)	(5,769,614,800)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(401,961,454)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1,268,519,626</b>	<b>(1,408,528,600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(159,922,116)</b>	<b>(616,176,857)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8,793,243,901</b>	<b>9,409,420,758</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8,633,321,785</b>	<b>8,793,243,901</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Phương Anh

Phan Thị Thanh Huyền

Bùi Văn Xá